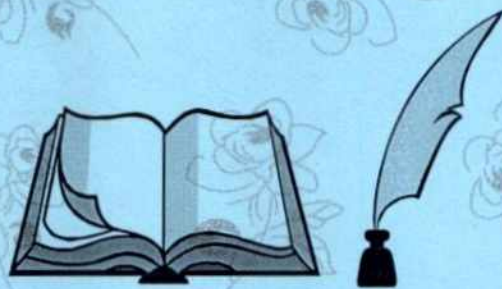


CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017**



BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh tiền thân là Công ty TNHH Tổng hợp Vân Canh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3504000011 cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004.

Công ty TNHH Tổng hợp Vân Canh chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100455008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 05 tháng 01 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 02 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các lần thay đổi cụ thể như sau:

Thay đổi đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	3504000011	09/11/2004
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 1	4100455008	05/01/2015
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 2	4100455008	28/12/2016

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 02 là 1.541.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động : Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định
Điện thoại : (0256) 2.212.519
Fax : (0256) 3.778.103
MST : 4100455008

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối và kinh doanh điện năng; Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Kinh doanh nước sạch; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện công nghiệp, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện đến 22KV và trạm biến áp. Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước; Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông; Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Cung ứng hàng hóa cho đồng bào miền núi.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 28).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Ông Nguyễn Cảnh Cao

Ông Nguyễn Tiến Văn

Ông Nguyễn Hoài Nam

Chức vụ:

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên:

Ông Nguyễn Tiến Văn

Ông Đặng Hưng

Chức vụ:

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Họ và tên:

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phan Văn Ân

Ông Nguyễn Đức Thiện

Chức vụ:

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Tiến Văn - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH CAF Việt Nam ("CAF Việt Nam") đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, CAF Việt Nam bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Tiến Văn

Giám đốc

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018



Số: 016/2018/BCKT-CAF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 04 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2017, do đó, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kê Tiền mặt và Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm. Số dư chỉ tiêu tiền mặt và hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng là 192.701.080 VND và 87.745.342 VND. Do cách thức ghi chép, theo dõi và kế toán các khoản này của Công ty, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về chỉ tiêu tiền mặt và hàng tồn kho bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Xuân Dũng - Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1494-2017-279-1

A handwritten signature in black ink, likely belonging to Trần Viết Tú.

Trần Viết Tú - Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3923-2017-279-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.146.355.212	1.797.178.822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	463.981.008	1.221.318.952
1. Tiền	111		463.981.008	1.221.318.952
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		581.499.163	480.093.064
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	544.195.163	390.609.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 3	37.304.000	89.483.318
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		87.745.342	95.766.806
1. Hàng tồn kho	141	V. 4	87.745.342	95.766.806
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.129.699	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 5	13.129.699	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.544.153.418	2.676.450.060
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.296.445.784	2.468.639.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 6	465.692.349	494.017.311
<i>Nguyên giá</i>	222		1.391.075.702	1.391.075.702
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(925.383.353)	(897.058.391)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V. 7	1.830.753.435	1.974.622.491
<i>Nguyên giá</i>	225		2.287.296.775	2.287.296.775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(456.543.340)	(312.674.284)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		247.707.634	207.810.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 8	247.707.634	207.810.258
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.690.508.630	4.473.628.882

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.015.013.957	2.829.098.068
I. Nợ ngắn hạn	310		327.831.183	998.764.469
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 9	97.658.301	10.535.001
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		83.908	100.345
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 10	37.520.314	53.225.251
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 11	24.174.301	778.320.564
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13a	143.150.825	145.717.961
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 12	25.243.534	10.865.347
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.687.182.774	1.830.333.599
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13b	1.687.182.774	1.830.333.599
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.675.494.673	1.644.530.814
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.675.494.673	1.644.530.814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 14	1.541.000.000	1.541.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V. 14	1.541.000.000	1.541.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 14	34.732.240	13.038.416
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 14	99.762.433	90.492.398
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		99.762.433	90.492.398
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.690.508.630	4.473.628.882

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Đức Thiện
 Người lập biểu

Đặng Hưng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Văn
 Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	11.035.517.250	11.573.139.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.035.517.250	11.573.139.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	9.548.626.191	10.003.095.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.486.891.059	1.570.043.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.467.300	5.031.700
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	12.434.426	17.672.185
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.434.426	17.672.185
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI. 5	1.381.031.143	1.466.669.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.892.790	90.734.198
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI. 6	325.253	343.263
13. Lợi nhuận khác	40		(325.253)	(343.263)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.567.537	90.390.935
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 7	12.984.754	6.283.547
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.582.783	84.107.388
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 8	412	475

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Đức Thiện
Người lập biểu

Đặng Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Văn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.567.537	90.390.935
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		172.194.018	172.840.096
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.467.300)	(5.031.700)
- Chi phí lãi vay	06		12.434.426	17.672.185
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		277.728.681	275.871.516
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(114.535.798)	(119.278.190)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.021.464	2.472.797
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(649.532.559)	696.204.989
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.897.376)	(65.997.063)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.434.426)	(17.672.185)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.943.534)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		222.520.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(226.220.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(569.293.548)	771.601.864
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.467.300	5.031.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.467.300	5.031.700

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(145.717.961)	(143.150.825)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.793.735)	(3.111.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(189.511.696)	(146.261.948)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(757.337.944)	630.371.616
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	1.221.318.952	590.947.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	463.981.008	1.221.318.952

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Đức Thiện
Người lập biểu

Đặng Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Văn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh tiền thân là Công ty TNHH Tổng hợp Vân Canh, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 3504000011 cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100455008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 05 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 02 là 1.541.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Xây lắp, Thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Phân phối và kinh doanh điện năng; Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Kinh doanh nước sạch; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện công nghiệp, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện đến 22KV và trạm biến áp. Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước; Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông; Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Cung ứng hàng hóa cho đồng bào miền núi.
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường** : Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.
5. **Hội đồng quản trị** : Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên:

Ông Nguyễn Cảnh Cao

Ông Nguyễn Tiến Văn

Ông Nguyễn Hoài Nam

Chức vụ:

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty đã áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, Khoản trả trước cho người bán và phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 (một) năm hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 (một) năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều niên độ kế toán và được phân bổ vào chi phí theo các niên độ kế toán có liên quan trong thời gian trên 1 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 15 năm |

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải, truyền dẫn không quá 15 năm.

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện

Doanh thu cung cấp điện được xác định và ghi nhận hàng tháng căn cứ vào sản lượng điện cung cấp theo chỉ số trên công tơ điện và đơn giá đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt tại quỹ	192.701.080	58.658.429
Tiền gửi ngân hàng	271.279.928	1.162.660.523
Cộng	463.981.008	1.221.318.952

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	31/12/2016
Phải thu các khách hàng khác	544.195.163	390.609.746
- Đào Duy Đậm	100.735.722	117.468.731
- Lê Anh Tuấn	37.305.486	43.915.377
- Nguyễn Văn Thanh	30.652.125	61.968.331
- Võ Văn Nhánh	28.437.504	63.303.087
- Lê Trọng Huân	59.753.339	11.519.802
- Nguyễn Văn Lợi	88.136.046	793.001
- Các khách hàng khác	199.174.941	91.641.417
Cộng	544.195.163	390.609.746

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	31/12/2016
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác	37.304.000	89.483.318
- Tạm ứng cán bộ công nhân viên	37.304.000	89.483.318
Cộng	37.304.000	89.483.318

4. Hàng tồn kho

	31/12/2017	31/12/2016
Nguyên liệu, vật liệu	87.745.342	95.766.806
Cộng	87.745.342	95.766.806

5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2017	31/12/2016
Thuế TNDN nộp thừa	13.129.699	-
Cộng	13.129.699	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
31/12/2016	405.638.722	903.491.253	81.945.727	1.391.075.702
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2017	405.638.722	903.491.253	81.945.727	1.391.075.702
Hao mòn lũy kế				
31/12/2016	81.127.728	815.930.663	-	897.058.391
Tăng trong năm	20.281.932	8.043.030	-	28.324.962
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2017	101.409.660	823.973.693	-	925.383.353
Giá trị còn lại				
31/12/2016	324.510.994	87.560.590	81.945.727	494.017.311
31/12/2017	304.229.062	79.517.560	81.945.727	465.692.349

7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiết tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 31/12/2016	2.287.296.775	312.674.284	1.974.622.491
Tăng trong năm	-	143.869.056	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	2.287.296.775	456.543.340	1.830.753.435

8. Chi phí trả trước*Chi phí trả trước dài hạn*

	31/12/2016	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	31/12/2017
Chi phí CCDC, trả trước dài hạn khác	207.810.258	51.175.000	(11.277.624)	247.707.634
Cộng	207.810.258	51.175.000	(11.277.624)	247.707.634

9. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Phải trả các nhà cung cấp khác	97.658.301	10.535.001
- Công ty TNHH TM-DV Thanh Hương	88.003.300	880.000
- Điện lực Phú Tài - Công ty điện lực Bình Định	9.655.001	9.655.001
Cộng	97.658.301	10.535.001

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	37.201.984	44.234.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.829.081
Thuế đất, tiền thuê đất	318.330	161.551
Cộng	37.520.314	53.225.251

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	31/12/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.234.619	142.938.917	149.971.552	37.201.984
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.829.081	12.984.754	34.943.534	(13.129.699)
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế đất, tiền thuê đất	161.551	3.976.926	3.820.147	318.330
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng (*)	53.225.251	161.900.597	190.735.233	24.390.615

(*) Trong đó:

Số nộp thừa (xem thuyết minh IV.5)

13.129.699

Số còn phải nộp

53.225.251

37.520.314

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất đối với điện, dịch vụ lắp đặt 10% và nước 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15 và thuyết minh VI.7

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	31/12/2016
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	24.174.301	778.320.564
- Cổ tức còn phải trả	5.193.502	16.446.500
UBND Huyện Vân Canh (khoản tạm ứng mua hàng phục vụ chương trình bình ổn giá)	1.586.655	750.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.394.144	11.874.064
Cộng	24.174.301	778.320.564



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2017
Quỹ khen thưởng	4.346.139	7.231.275	(3.200.000)	8.377.414
Quỹ phúc lợi	4.346.139	7.231.275	(500.000)	11.077.414
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.173.069	3.615.637	-	5.788.706
Cộng	10.865.347	18.078.187	(3.700.000)	25.243.534

13. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	143.150.825	143.150.825	143.150.825	145.717.961	145.717.961	145.717.961
Cộng	143.150.825	143.150.825	143.150.825	145.717.961	145.717.961	145.717.961

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	31/12/2016	Trả nợ trong năm	Kết chuyển từ vay/nợ dài hạn	31/12/2017
(*) Vay Ngân hàng Thế Giới ("WB")	145.717.961	(145.717.961)	143.150.825	143.150.825
Cộng	145.717.961	(145.717.961)	143.150.825	143.150.825

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	1.830.333.599	1.830.333.599	-	(145.717.961)	1.976.051.560	1.976.051.560
(*) Vay Ngân hàng Thế giới ("WB")	1.830.333.599	1.830.333.599	-	(145.717.961)	1.976.051.560	1.976.051.560
Cộng	1.830.333.599	1.830.333.599	-	(145.717.961)	1.976.051.560	1.976.051.560

(*) Nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới ("WB") để thực hiện dự án năng lượng nông thôn II từ Công ty TNHH Tổng hợp Vân Canh khi chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Tổng hợp Vân Canh. Cụ thể các điều khoản nợ vay như sau:

- Dự án năng lượng nông thôn II được tài trợ từ nguồn vốn vay của WB, đã hoàn thành bàn giao sử dụng từ năm 2007, các dự án này phải trích khấu hao trả vốn vay cho WB trong 20 năm, trong đó có 05 năm ân hạn không tính lãi.
- Dự án năng lượng nông thôn II mở rộng (Dự án RE II mở rộng) được tài trợ từ nguồn vốn vay của WB, theo công văn số 05/QLDA ngày 19/09/2016 của UBND Tỉnh Bình Định - Ban QLDA RE II và công văn số 3506/STC-QLNS ngày 10/10/2016 của Sở Tài Chính Tỉnh Bình Định về việc hoàn trả vốn vay của dự án; Dự án này phải trích khấu hao trả vốn vay cho WB trong 20 năm, trong đó có 05 năm ân hạn không tính lãi.
- Năm 2013, Công ty bắt đầu trả nợ gốc và phí đầu tiên, với lãi suất 1%/năm đối với dự án năng lượng nông thôn II (RE II) và năm 2016 bắt đầu trả nợ gốc, phí đầu tiên đối với dự án năng lượng nông thôn II mở rộng (RE II mở rộng) theo Công văn số 3506/STC-QLNS ngày 10/10/2016 của Sở Tài Chính Tỉnh Bình Định về việc mở tài khoản trích nộp khấu hao hoàn trả vốn vay cho WB tại Chi nhánh Kho bạc Nhà nước và thông báo số tài khoản về Sở tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	31/12/2016	Vay trong năm	Đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2017
Vay dài hạn ngân hàng (WB)	1.830.333.599	-	-	(143.150.825)	1.687.182.774
Cộng	1.830.333.599	-	-	(143.150.825)	1.687.182.774

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2016	1.541.000.000	-	49.846.396	1.590.846.396
Lợi nhuận năm 2016	-	-	84.107.388	84.107.388
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	13.038.416	(23.903.763)	(10.865.347)
Chia cổ tức	-	-	(19.557.623)	(19.557.623)
Tại 31/12/2016	1.541.000.000	13.038.416	90.492.398	1.644.530.814
Tại 01/01/2017	1.541.000.000	13.038.416	90.492.398	1.644.530.814
Lợi nhuận năm 2017	-	-	81.582.783	81.582.783
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	-	21.693.824	(39.772.011)	(18.078.187)
Chia cổ tức (*)	-	-	(32.540.737)	(32.540.737)
Tại 31/12/2017	1.541.000.000	34.732.240	99.762.433	1.675.494.673

(*) Trích lập quỹ từ lợi nhuận và cổ tức được chia theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 31 tháng 03 năm 2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2017.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2017		Tại 31/12/2016	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	1.295.000.000	84,04%	1.295.000.000	84,04%
Vốn góp các cổ đông khác	246.000.000	15,96%	246.000.000	15,96%
Cộng	1.541.000.000	100,00%	1.541.000.000	100,00%

c. Cổ phiếu

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	154.100	154.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	154.100	154.100
- Cổ phiếu phổ thông	154.100	154.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.100	154.100
- Cổ phiếu phổ thông	154.100	154.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Văn Canh, Huyện Văn Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu cung cấp điện, nước	10.851.787.854	10.704.249.541
Doanh thu lắp đặt điện nước	183.729.396	868.889.709
Cộng	11.035.517.250	11.573.139.250

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn cung cấp điện, nước	9.461.401.727	9.238.710.344
Giá vốn lắp đặt điện nước	87.224.464	764.385.215
Cộng	9.548.626.191	10.003.095.559

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.467.300	5.031.700
Cộng	1.467.300	5.031.700

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	12.434.426	17.672.185
Cộng	12.434.426	17.672.185

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí cho nhân viên	1.080.298.649	1.160.377.022
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	52.445.794	73.040.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.281.932	20.281.932
Thuế, phí và lệ phí	10.079.793	9.259.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.487.696	15.440.298
Chi phí bằng tiền khác	194.437.279	188.269.571
Cộng	1.381.031.143	1.466.669.008

6. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi chậm nộp, phạt vi phạm	325.253	343.263
Cộng	325.253	343.263



7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 15/GCN-UB do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 04/02/2005, Công ty hưởng ưu đãi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động. Đồng thời, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp cho 08 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2017, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	94.567.537	90.390.935
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	35.280.000	35.280.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	35.280.000	35.280.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	129.847.537	125.670.935
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất (10%)	12.984.754	12.567.094
Ưu đãi giảm 50% thuế TNDN	-	(6.283.547)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.984.754	6.283.547

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.582.783	84.107.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.078.187)	(10.865.347)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(18.078.187)	(10.865.347)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	63.504.596	73.242.041
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	154.100	154.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	412	475

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	154.100	154.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	154.100	154.100

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Năm 2015 và 2016, Công ty còn trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế TNDN giảm 50% thuế phải nộp. Do đó, Công ty đã áp dụng hồi tố cho việc sửa chữa sai sót này vì Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, mức độ ảnh hưởng của việc phải áp dụng hồi tố đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 là trọng yếu. Ảnh hưởng của việc trình bày lại và điều chỉnh hồi tố chi phí thuế TNDN này đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Nợ ngắn hạn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	71.404.901	(18.179.650)	53.225.251
Vốn chủ sở hữu				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	72.312.748	18.179.650	90.492.398

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	Đại diện phần vốn góp của Nhà nước
Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	Đại diện phần vốn góp của Nhà nước	Chi trả cổ tức	43.793.735

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	232.992.000	232.992.000
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	48.960.000	48.960.000
Cộng	281.952.000	281.952.000

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản vay ngân hàng. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty còn có nhiều tài sản tài chính khác như các khoản phải thu thương mại, tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ và tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng liên hạch toán của Công ty) và các khoản vay của Công ty có gốc ngoại tệ.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Công ty chịu rủi ro liên quan đến việc bán sản phẩm, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ có gốc ngoại tệ. Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty khi mua bán sản phẩm, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng ngắn và dài hạn.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay và nợ	145.717.961	715.754.125	1.114.579.474	1.976.051.560
Phải trả người bán	10.535.001	-	-	10.535.001
Các khoản phải trả khác	778.320.564	-	-	778.320.564
Cộng	934.573.526	715.754.125	1.114.579.474	2.764.907.125
Tại ngày 31/12/2017				
Các khoản vay và nợ	143.150.825	715.754.125	971.428.649	1.830.333.599
Phải trả người bán	97.658.301	-	-	97.658.301
Các khoản phải trả khác	24.174.301	-	-	24.174.301
Cộng	264.983.427	715.754.125	971.428.649	1.952.166.201

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	463.981.008	1.221.318.952	463.981.008	1.221.318.952
Phải thu khách hàng	544.195.163	390.609.746	544.195.163	390.609.746
Phải thu khác	37.304.000	89.483.318	37.304.000	89.483.318
Cộng	1.045.480.171	1.701.412.016	1.045.480.171	1.701.412.016

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản vay và nợ	1.830.333.599	1.976.051.560	1.830.333.599	1.976.051.560
Phải trả người bán	97.658.301	10.535.001	97.658.301	10.535.001
Các khoản phải trả khác	24.174.301	778.320.564	24.174.301	778.320.564
Cộng	1.952.166.201	2.764.907.125	1.952.166.201	2.764.907.125

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP VÂN CANH

Thôn Thịnh Văn 2, Thị trấn Vân Canh, Huyện Vân Canh, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

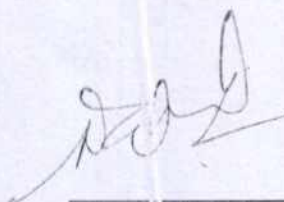
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Nguyễn Đức Thiện
Người lập biểu

Đặng Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Văn
Giám đốc

Bình Định, ngày 24 tháng 04 năm 2018



CHỨNG THỰC BẢN SẠO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT 1798 Quyển Số: I/2018
Ngày 01 tháng 10 năm 2018
Chủ tịch UBND xã Vân Canh Thuận



KIỂM THỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

KIM THANH QUANG

